

NHẬN THỨC VỀ ĐẠO ĐỨC HỌC THUẬT VÀ NGUY CƠ PHỤ THUỘC VÀO TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG HỌC TẬP TIẾNG TRUNG QUỐC: KHẢO SÁT TẠI KHOA TIẾNG TRUNG QUỐC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

Nghiêm Thị Thanh Tú¹, Đỗ Hà Linh¹

Email: ntttu@hou.edu.vn, ORCID: 0009-0007-8772-8908

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 15/06/2026

Ngày phản biện đánh giá: 15/08/2026

Ngày bài báo được duyệt đăng: 28/8/2026

DOI: 10.59266/houjs.2026.1396

Tóm tắt: Nghiên cứu khảo sát việc sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI), nhận thức về đạo đức học thuật và biểu hiện phụ thuộc công nghệ trong học tập tiếng Trung Quốc của sinh viên Khoa Tiếng Trung Quốc, Trường Đại học Mở Hà Nội. Dữ liệu được thu thập bằng bảng hỏi trực tuyến từ 49 sinh viên năm hai và năm ba trong khoảng 23/05/2026-30/05/2026; nghiên cứu sử dụng thống kê mô tả, so sánh thăm dò theo năm học và tổng hợp câu trả lời mở. Kết quả cho thấy toàn bộ người tham gia đã sử dụng AI; ChatGPT, Gemini, Google Translate và DeepL là các công cụ được lựa chọn nhiều nhất. AI chủ yếu được dùng để dịch văn bản, làm bài tập, viết và tìm ý tưởng. Phần lớn sinh viên thừa nhận cần minh bạch mức độ sử dụng AI và xem việc nộp nguyên văn sản phẩm do AI tạo ra là không trung thực. Tuy vậy, các chỉ báo về khó khăn khi viết không có AI, khuynh hướng dịch bằng AI và kiểm chứng chưa ổn định cho thấy nguy cơ phụ thuộc đã xuất hiện ở một bộ phận mẫu khảo sát. Bài viết đề xuất khung hướng dẫn sử dụng AI theo ba mức: được phép, được phép có khai báo và không được phép; đồng thời nhấn mạnh đánh giá quá trình, kiểm chứng thông tin và trách nhiệm của người học.

Từ khóa: đạo đức học thuật, học tập tiếng Trung Quốc, phụ thuộc công nghệ, trí tuệ nhân tạo

I. Đặt vấn đề

AI tạo sinh đã trở thành công cụ tự học ngoại ngữ phổ biến ở bậc đại học. ChatGPT, Gemini, Google Translate, DeepL, Pleco và Youdao có thể tra cứu từ vựng, giải thích ngữ pháp, gợi ý diễn đạt hoặc phản hồi bản dịch. Sự tiện lợi này mở rộng khả năng tự học nhưng cũng

đặt ra yêu cầu xác định phần việc người học phải tự thực hiện để hình thành năng lực ngôn ngữ.

Với tiếng Trung Quốc, người học phải ghi nhớ chữ Hán, xử lý thanh điệu, phân tích cú pháp, chọn từ theo ngữ cảnh và chuyển dịch giữa hai hệ thống ngôn ngữ. Khi AI cung cấp sẵn bản dịch hoặc

¹ Trường Đại học Mở Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam

đoạn viết, sinh viên có thể bỏ qua các thao tác luyện tập cốt lõi. Rủi ro còn nằm ở việc trình bày sản phẩm do hệ thống tạo ra như kết quả cá nhân.

Nghiên cứu mô tả ba phương diện trong một nhóm sinh viên cụ thể: mức độ và mục đích sử dụng AI; nhận thức về đạo đức học thuật; và các dấu hiệu ban đầu của phụ thuộc AI. Điểm mới của bài viết là đặt ba phương diện này trong một khung phân tích gắn với đặc thù học tiếng Trung Quốc. Kết quả cung cấp căn cứ ban đầu để Khoa và giảng viên xây dựng hướng dẫn sử dụng AI, thiết kế nhiệm vụ đánh giá quá trình và hỗ trợ sinh viên kiểm chứng đầu ra. Phạm vi nghiên cứu giới hạn ở nhóm tham gia khảo sát tại Khoa Tiếng Trung Quốc, Trường Đại học Mở Hà Nội.

II. Cơ sở lý thuyết và khung phân tích

2.1. AI trong học ngoại ngữ và học tiếng Trung Quốc

AI có thể thực hiện một số chức năng liên quan đến xử lý ngôn ngữ, nhận diện mẫu dữ liệu, tạo văn bản và đưa phản hồi. Trong giáo dục ngoại ngữ, những chức năng này hỗ trợ cá nhân hóa nhiệm vụ, cung cấp phản hồi nhanh và giúp người học tiếp cận học liệu ngoài giờ. Trong tài liệu hướng dẫn của UNESCO, Miao và Holmes (2023) lưu ý rằng việc triển khai AI cần bảo vệ quyền chủ động của người học, bảo đảm trách nhiệm giải trình và không thay thế vai trò phán đoán của con người.

Trong học tiếng Trung Quốc, AI có thể hỗ trợ tra cứu chữ Hán, âm đọc, ngữ cảnh dùng từ, sửa câu và luyện hội thoại. Tuy nhiên, công cụ không bảo đảm hoàn toàn độ chính xác của bản dịch, sắc thái

giao tiếp hoặc sự phù hợp với trình độ của người học. Vì thế, giá trị của AI nằm ở khả năng gợi mở và phản hồi có kiểm chứng, không phải ở việc làm thay quá trình phân tích, viết và tự sửa của sinh viên.

2.2. Đạo đức học thuật và phụ thuộc AI

Đạo đức học thuật bao gồm các yêu cầu về trung thực, công bằng, tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ và trách nhiệm đối với sản phẩm học tập. Khi AI tham gia vào các khâu tạo ý tưởng, dịch, viết hoặc hiệu đính, ranh giới đạo đức không được quyết định chỉ bằng việc có dùng công cụ hay không. Điều quan trọng là mục đích sử dụng, mức độ can thiệp và sự minh bạch của người học. Cotton và cộng sự (2024) chỉ ra rằng văn bản do ChatGPT tạo ra đặt ra thách thức trực tiếp cho việc đánh giá năng lực và bảo đảm liêm chính trong giáo dục đại học.

Phụ thuộc AI trong học tập được hiểu là tình trạng người học dựa vào công cụ đến mức suy giảm khả năng tự xử lý nhiệm vụ. Trong bối cảnh tiếng Trung Quốc, sự phụ thuộc có thể thể hiện ở việc dịch bằng máy trước khi tự phân tích câu, dùng AI để tạo đoạn viết thay cho huy động vốn từ, hoặc bỏ qua bước đối chiếu với từ điển và giáo trình. Khái niệm này được tiếp cận ở đây như một tập hợp dấu hiệu tự báo cáo, không phải chẩn đoán tâm lý hay kết luận về quan hệ nhân quả.

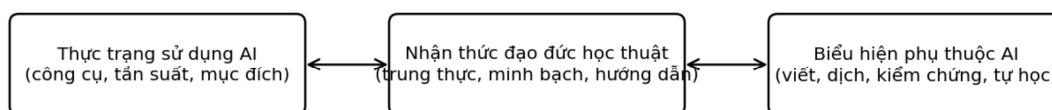
2.3. Nghiên cứu liên quan, khoảng trống và khung phân tích

Các công trình quốc tế cho thấy AI vừa hỗ trợ cá nhân hóa học tập vừa đặt ra rủi ro về độ chính xác, thiên lệch và suy giảm tư duy độc lập. Kasneci và cộng sự (2023) phân tích cơ hội và thách thức

của các mô hình ngôn ngữ lớn trong giáo dục; Miao và Holmes (2023) đề xuất khuôn khổ sử dụng AI có trách nhiệm. Ở mảng ngoại ngữ, Cai (2025), Li (2025), Liu và Xiang (2026) và Deng và cộng sự (2026) đều nhấn mạnh lợi ích của AI đối với luyện viết, ngữ pháp hoặc tiếp cận học liệu, đồng thời lưu ý nguy cơ y lại và khó khăn trong đánh giá năng lực thực.

Ở Việt Nam, Bùi và Nguyễn (2024) cùng Nguyễn và cộng sự (2026) ghi nhận tác động hai mặt của AI đối với học tập đại học. Tại Trường Đại học Mở Hà Nội,

Nguyễn và Đỗ (2025) cho thấy ý định dùng AI, ảnh hưởng bạn học và áp lực học tập liên quan đến nguy cơ vi phạm liêm chính học thuật. Khảo sát hơn 2.500 sinh viên của Nguyễn (2025) cũng ghi nhận mối liên hệ giữa áp lực học tập, hành vi sử dụng AI và nguy cơ vi phạm. Tuy nhiên, các nghiên cứu này chưa xem xét trực tiếp đặc thù học tiếng Trung Quốc và dấu hiệu phụ thuộc AI trong nhiệm vụ ngôn ngữ. Bài viết vì thế sử dụng khung mô tả ba chiều để nhận diện các mối liên hệ cần tiếp tục kiểm chứng trên mẫu lớn hơn.



Bối cảnh: đặc thù học tiếng Trung Quốc (chữ Hán, dịch, viết và ngữ cảnh sử dụng)

Hình 1. Khung phân tích của nghiên cứu

III. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Thiết kế, mẫu khảo sát và quy trình thu thập dữ liệu

Nghiên cứu được thiết kế theo hướng mô tả cắt ngang, kết hợp dữ liệu định lượng và ý kiến mở. Bảng hỏi trực tuyến được gửi qua nhóm lớp của ba lớp thuộc Khoa Tiếng Trung Quốc, Trường Đại học Mở Hà Nội, trong thời gian từ 23/05/2026 đến 30/05/2026. Mẫu được chọn theo phương pháp thuận tiện trên cơ sở sinh viên tự nguyện phản hồi biểu mẫu. Có 49 phiếu đầy đủ được đưa vào phân tích, gồm 19 sinh viên năm hai (38,8%) và 30 sinh viên năm ba (61,2%).

Do bảng hỏi được phân phối qua nhóm lớp và nhóm nghiên cứu không có số liệu tổng thể về quy mô sinh viên của các lớp tại thời điểm khảo sát, tỷ lệ phản hồi không được tính. Thông tin về giới tính

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp
cũng không được thu thập. Vì vậy, kết quả chỉ có ý nghĩa mô tả đối với nhóm tham gia, không đại diện cho toàn bộ sinh viên tiếng Trung Quốc. Biểu mẫu không thu thập họ tên, mã sinh viên hoặc dữ liệu nhận diện trực tiếp ngoài dấu thời gian.

3.2. Công cụ khảo sát và xử lý dữ liệu

Bảng hỏi gồm 18 câu: bảy câu về đặc điểm người trả lời và thực trạng sử dụng AI; năm mục Likert năm mức về nhận thức đạo đức học thuật; bốn mục Likert năm mức về biểu hiện phụ thuộc AI; và hai câu hỏi mở về cách sử dụng AI hợp lý cũng như đề xuất sử dụng AI đúng đạo đức. Bảng hỏi không được khảo sát thử trước khi triển khai; do đó, các kết quả được diễn giải thận trọng theo hướng mô tả. Với bốn mục về phụ thuộc AI, độ tin cậy nội tại sau thu thập đạt Cronbach's $\alpha = 0,871$. Năm mục đạo đức học thuật

được báo cáo riêng theo từng chỉ báo vì chúng phản ánh các khía cạnh khác nhau.

Dữ liệu đóng được xử lý bằng tần suất, tỷ lệ phần trăm và điểm trung bình Likert. Điểm phụ thuộc AI được tính bằng trung bình của bốn mục, sau đó so sánh thăm dò giữa sinh viên

năm hai và năm ba bằng kiểm định Mann-Whitney U. Câu trả lời mở được đọc lặp lại, loại các phản hồi không chứa nội dung, rồi quy nạp thành các chủ đề. Phân tích định lượng và định tính được dùng bổ trợ, không nhằm suy luận quan hệ nhân quả.

IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Đặc điểm mẫu khảo sát

Bảng 1. Đặc điểm của mẫu khảo sát (n = 49)

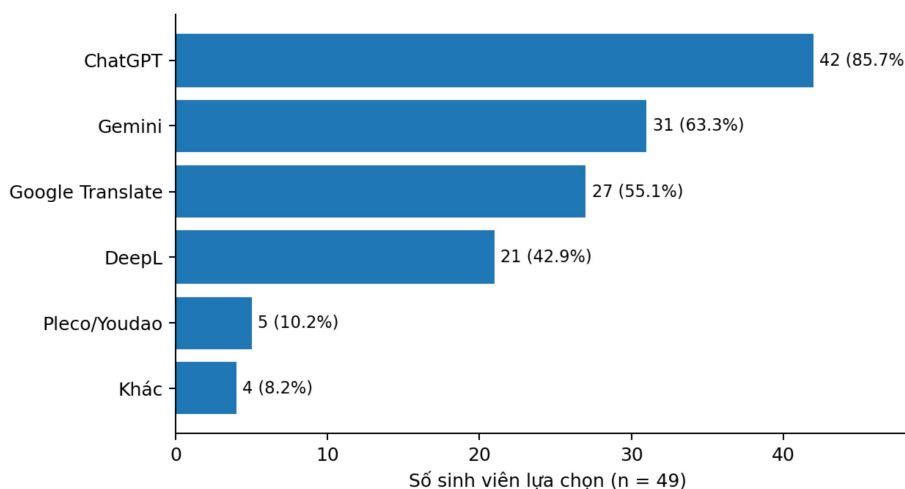
Đặc điểm	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Năm hai	19	38,8
Năm ba	30	61,2
Trình độ trung cấp (tự đánh giá)	23	46,9
Trình độ khá (tự đánh giá)	21	42,9
Trình độ tốt (tự đánh giá)	5	10,2
Học tiếng Trung hằng ngày	27	55,1
Học tiếng Trung 3-5 lần/tuần	21	42,9
Tần suất khác	1	2,0

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm tác giả

Mẫu có tỷ trọng sinh viên năm ba cao hơn năm hai. Đa số người tham gia tự đánh giá trình độ tiếng Trung ở mức trung cấp hoặc khá và học hằng ngày hoặc từ ba đến năm buổi mỗi tuần. Đặc điểm này

phù hợp với mục tiêu quan sát nhóm đã sử dụng AI cho tra cứu, dịch, viết và làm bài tập, nhưng không cho phép suy rộng cho toàn bộ sinh viên của Khoa.

4.2. Thực trạng sử dụng AI trong học tập tiếng Trung Quốc

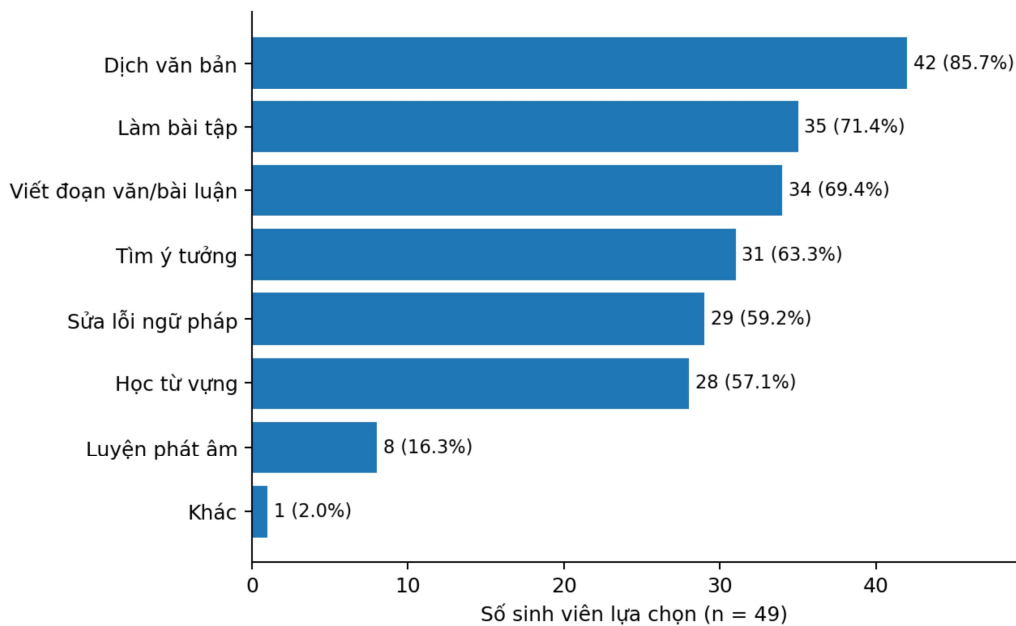


Hình 2. Các công cụ AI được sinh viên sử dụng trong học tập tiếng Trung Quốc

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm tác giả

Toàn bộ 49 sinh viên cho biết đã sử dụng AI trong học tiếng Trung Quốc. Về tần suất, 25 sinh viên (51,0%) sử dụng rất thường xuyên và 24 sinh viên (49,0%) sử dụng thường xuyên. ChatGPT được lựa chọn nhiều nhất với 42 lượt (85,7%), tiếp theo là Gemini với 31 lượt (63,3%), Google Translate với 27 lượt (55,1%) và DeepL với 21 lượt (42,9%). Pleco hoặc Youdao chỉ có năm lượt lựa chọn (10,2%). Do câu hỏi cho phép chọn nhiều phương án, tổng tỷ lệ vượt 100%.

Dịch văn bản là mục đích nổi bật nhất với 42 lượt lựa chọn (85,7%). Các nhiệm vụ tiếp theo là làm bài tập 35 lượt (71,4%), viết đoạn văn hoặc bài luận 34 lượt (69,4%), tìm ý tưởng 31 lượt (63,3%), sửa lỗi ngữ pháp 29 lượt (59,2%) và học từ vựng 28 lượt (57,1%). Luyện phát âm chỉ có 08 lượt lựa chọn (16,3%). Kết quả cho thấy AI trong nhóm khảo sát đang được dùng chủ yếu cho các hoạt động xử lý văn bản và tạo sản phẩm, hơn là cho các kỹ năng nói hoặc phát âm.



Hình 3. Mục đích sử dụng AI trong học tập tiếng Trung Quốc

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm tác giả

Xu hướng ưu tiên dịch, viết và làm bài tập tương đồng với các nhận định về việc AI hỗ trợ nhanh cho nhiệm vụ ngôn ngữ viết trong các nghiên cứu về giáo dục ngoại ngữ (Cai, 2025; Liu & Xiang, 2026). Tuy vậy, tỷ trọng cao của các mục đích tạo sản phẩm học tập cho thấy cần

tăng cường yêu cầu giải thích quá trình làm bài, đặc biệt đối với bài dịch và bài viết. Trong phạm vi mẫu này, kết quả không chứng minh AI làm giảm năng lực; chúng chỉ cho thấy những khu vực sử dụng cần được theo dõi kỹ hơn.

4.3. Nhận thức về đạo đức học thuật khi sử dụng AI

Bảng 2. Nhận thức về đạo đức học thuật khi sử dụng AI (n = 49)

Nội dung	Đồng ý/Hoàn toàn đồng ý n (%)	Điểm trung bình
Sử dụng AI để hỗ trợ học tập là cần thiết	47 (95,9)	4,47
Nộp bài do AI viết hoàn toàn là không trung thực	42 (85,7)	4,24
Cần ghi rõ khi sử dụng AI trong bài làm	39 (79,6)	4,06
Dùng AI quá nhiều có thể giảm khả năng học tập thực sự	34 (69,4)	3,94
Cần được hướng dẫn cách sử dụng AI đúng cách	47 (95,9)	4,53

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm tác giả

Kết quả cho thấy người tham gia nhìn AI như công cụ cần thiết nhưng không tách rời yêu cầu trung thực. Tỷ lệ đồng thuận cao đối với việc khai báo AI và nhu cầu được hướng dẫn cho thấy sinh viên cần một cơ chế thực hành cụ thể thay vì các nguyên tắc chung. Phát hiện này phù hợp với cảnh báo của Cotton và

cộng sự (2024) và Miao và Holmes (2023) về yêu cầu minh bạch, trách nhiệm và khả năng đánh giá năng lực thật. Tuy nhiên, còn bảy sinh viên phân vân về việc có cần ghi rõ AI trong bài làm, cho thấy ranh giới giữa hỗ trợ hợp lệ và làm thay vẫn chưa được hiểu thống nhất.

4.4. Biểu hiện nguy cơ phụ thuộc AI và so sánh thăm dò theo năm học

Bảng 3. Các chỉ báo phụ thuộc AI trong học tập tiếng Trung Quốc (n = 49)

Nội dung	Đồng ý/Hoàn toàn đồng ý n (%)	Điểm trung bình
Gặp khó khăn khi viết tiếng Trung nếu không có AI	25 (51,0)	3,49
Phụ thuộc AI để dịch thay vì tự suy nghĩ	20 (40,8)	3,27
Ít kiểm tra lại nội dung do AI cung cấp	18 (36,7)	2,92
Cảm thấy khả năng tự học giảm khi dùng AI nhiều	23 (46,9)	3,43

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm tác giả

Điểm phụ thuộc AI trung bình của toàn mẫu là 3,28/5. Chỉ báo đáng chú ý nhất là khó khăn khi viết tiếng Trung nếu không có AI, với 51,0% người tham gia đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý. Kết quả này đáng lưu ý đối với việc rèn luyện viết, bởi năng lực tự tạo câu, lựa chọn từ và tổ chức ý là thành tố cốt lõi của học tiếng Trung Quốc. Mặc dù tỷ lệ ít kiểm tra lại đầu ra AI thấp hơn các chỉ báo khác, vẫn có 18 sinh viên thừa nhận hành vi này;

đây là nguy cơ đối với tính chính xác của chữ Hán, nghĩa từ và sắc thái ngữ cảnh.

So sánh thăm dò cho thấy điểm phụ thuộc AI trung bình của sinh viên năm hai là 3,59/5, cao hơn sinh viên năm ba là 3,08/5; kiểm định Mann-Whitney U cho kết quả $p = 0,045$. Kết quả gợi ý rằng nhóm năm hai trong mẫu có xu hướng phụ thuộc AI cao hơn. Tuy nhiên, đây không phải bằng chứng về nguyên nhân hoặc khác biệt của toàn bộ sinh viên năm hai và năm ba,

vì mẫu thuận tiện, quy mô nhỏ và không kiểm soát các yếu tố như kinh nghiệm học tập, năng lực công nghệ hay trình độ ngoại ngữ.

Các dấu hiệu trên nhất quán với lo ngại về nguy cơ y lại được đề cập trong nghiên cứu của Li (2025) và Deng và cộng sự (2026). Điểm cần nhấn mạnh là AI không tự động tạo ra phụ thuộc; rủi ro tăng lên khi sinh viên dùng AI trước khi tự phân tích yêu cầu, chấp nhận đầu ra không kiểm chứng hoặc coi sản phẩm AI là sản phẩm cuối cùng.

4.5. Ý kiến mở của sinh viên và thảo luận

Trong 49 phiếu khảo sát, 26 phản hồi có nội dung thực chất ở ít nhất một câu hỏi mở. Ba chủ đề lặp lại nhiều nhất là: xem AI như công cụ hỗ trợ chứ không thay thế tư duy; tự làm hoặc tự định hướng trước khi dùng AI và kiểm tra lại kết quả; sử dụng AI phù hợp cho tra từ, giải thích ngữ pháp, sửa câu, luyện phát âm hoặc hội thoại. Một số sinh viên cũng nhắc đến giới hạn sử dụng, không sao chép nguyên văn và không dùng AI để gian lận.

Các phản hồi cho thấy sinh viên không chỉ nhận diện rủi ro ở cấp độ nguyên tắc mà còn đề xuất quy trình thao tác. Một sinh viên năm ba nêu cách làm “tự làm rồi dùng AI để kiểm tra lại”; một phản hồi khác nhấn mạnh “không nên chỉ nộp nguyên văn bản AI mà không đọc và kiểm tra lại”. Một số ý kiến khuyến khích dùng AI để luyện hội thoại, phát âm và giao tiếp, cho thấy công cụ vẫn có thể tăng thực hành thay vì chỉ tạo văn bản.

Kết hợp dữ liệu định lượng và định tính, bài viết đề xuất một nguyên tắc thực hành gồm năm bước: tự phân tích nhiệm vụ; sử dụng AI cho mục đích xác định;

đối chiếu với từ điển, giáo trình hoặc nguồn đáng tin cậy; chỉnh sửa bằng hiểu biết của người học; và khai báo mức hỗ trợ AI khi bài tập yêu cầu. Quy trình này giúp chuyển AI từ công cụ làm thay sang công cụ phản hồi.

V. Kết luận và kiến nghị

5.1. Kết luận

Trên 49 sinh viên năm hai và năm ba tham gia khảo sát, AI được sử dụng thường xuyên trong học tiếng Trung Quốc, đặc biệt ở các nhiệm vụ dịch, làm bài tập, viết và tìm ý tưởng. Phần lớn người tham gia nhận thức rõ giá trị hỗ trợ của AI, đồng thời đồng ý rằng nộp toàn bộ sản phẩm do AI tạo ra là không trung thực và cần minh bạch việc sử dụng công cụ. Tuy nhiên, các chỉ báo về khó khăn khi viết không có AI, phụ thuộc vào dịch máy và kiểm chứng chưa ổn định cho thấy nguy cơ phụ thuộc đã xuất hiện ở một bộ phận mẫu khảo sát.

Giá trị của nghiên cứu là đặt thực trạng sử dụng, đạo đức học thuật và nguy cơ phụ thuộc trong cùng một khung phân tích gắn với học tiếng Trung Quốc. Tuy nhiên, kết quả không đại diện cho toàn bộ sinh viên tiếng Trung Quốc và không chứng minh quan hệ nhân quả giữa tần suất sử dụng AI với mức độ phụ thuộc.

5.2. Kiến nghị

Đối với Nhà trường và Khoa, cần ban hành hướng dẫn sử dụng AI theo ba mức. Mức được phép gồm tra từ, hỏi giải thích ngữ pháp, tạo ví dụ và luyện hội thoại. Mức được phép có khai báo gồm gợi ý dàn ý, sửa câu, hỗ trợ dịch từng đoạn hoặc phản hồi về bản nháp. Mức không được phép gồm nộp nguyên văn bài do AI

tạo ra, để AI thực hiện trọn vẹn bài kiểm tra yêu cầu tự làm hoặc che giấu mức độ can thiệp của AI.

Mẫu khai báo có thể được đặt ở cuối bài tập: “Tôi đã sử dụng [tên công cụ] để [mục đích cụ thể]. Tôi đã kiểm chứng và chỉnh sửa đầu ra; tôi chịu trách nhiệm về nội dung cuối cùng.” Đối với giảng viên, nên tăng yêu cầu về bản nháp, nhật ký học tập, giải thích lựa chọn từ ngữ, phân biệt bản dịch và kiểm tra trực tiếp. Đối với sinh viên, nên duy trì quy trình làm trước - hỏi AI - kiểm chứng - chỉnh sửa - khai báo, thay vì xem AI là nguồn đáp án mặc định.

5.3. Hạn chế và hướng nghiên cứu tiếp theo

Nghiên cứu có các hạn chế: mẫu thuận tiện chỉ gồm 49 sinh viên từ ba lớp; không có quy mô tổng thể để tính tỷ lệ phản hồi; không thu thập giới tính; bảng hỏi không được khảo sát thử; và dữ liệu dựa trên tự báo cáo. Các nghiên cứu tiếp theo cần mở rộng mẫu sang nhiều cơ sở đào tạo, thu thập thông tin nền đầy đủ hơn, kết hợp phỏng vấn hoặc phân tích sản phẩm viết - dịch thực tế. Việc theo dõi theo thời gian cũng có thể làm rõ mối liên hệ giữa kinh nghiệm học tiếng Trung, cách dùng AI và sự phát triển năng lực ngôn ngữ.

Tài liệu tham khảo

- Bùi, T. T., & Nguyễn, M. T. (2024). Nghiên cứu ảnh hưởng của trí tuệ nhân tạo trong giáo dục tới hoạt động học tập của sinh viên. *Tạp chí Giáo dục*, 24(10), 6-11. <https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/1863>
- Cai Wenjuan [蔡文娟]. (2025). 生成式人工智能在大学英语教学中的应用研究 [Research on the application of generative artificial intelligence in college English teaching]. *Advances in Education*, 15(4), 1244-1250. <https://doi.org/10.12677/ae.2025.154682>
- Cotton, D. R. E., Cotton, P. A., & Shipway, J. R. (2024). Chatting and cheating: Ensuring academic integrity in the era of ChatGPT. *Innovations in Education and Teaching International*, 61(2), 228-239. <https://doi.org/10.1080/14703297.2023.2190148>
- Deng Shanshan [邓珊珊], Chen Si [陈思], Li Jie [李杰], Zhou Yujiao [周戡姣], & Shen Ziyu [申子优]. (2026). AI赋能与风险并存：大学生AI使用行为的心理效应及引导路径 [AI empowerment and risks coexist: Psychological effects and guidance pathways of college students' AI usage behavior]. *Advances in Social Sciences*, 15(3), 414-421. <https://doi.org/10.12677/ass.2026.153242>
- Kasneci, E., Sebler, K., Küchemann, S., Bannert, M., Dementieva, D., Fischer, iF., Gasser, U., Groh, G., Günemann, S., Hüllermeier, E., & Krusche, S. (2023). ChatGPT for good? On opportunities and challenges of large language models for education. *Learning and Individual Differences*, 103, Article 102274. <https://doi.org/10.1016/j.lindif.2023.102274>
- Li Yinrong [李吟蓉]. (2025). ChatGPT视角下国际中文教育写作教学应用现状及反思 [Current status and reflection of the application of international Chinese education writing teaching from the ChatGPT perspective]. *Advances in Social Sciences*, 14(8), 45-50. <https://doi.org/10.12677/ass.2025.148686>
- Liu Yuanfei [刘媛妃], & Xiang Yu [向玉]. (2026). ChatGPT等生成式人工智能对大学英语学习的影响分析 [An analysis of the impact of ChatGPT and other generative AI on college English learning]. *Modern Linguistics*, 14(3), 154-161. <https://doi.org/10.12677/ml.2026.143208>

- Miao, F., & Holmes, W. (2023). *Guidance for generative AI in education and research*. (pp. 14-17). UNESCO. <https://doi.org/10.54675/EWZM9535>
- Nguyễn, A. H. (2025). Ảnh hưởng của áp lực học tập đến hành vi sử dụng AI và nguy cơ vi phạm liên chính học thuật: Phân tích thực nghiệm từ dữ liệu khảo sát sinh viên Trường Đại học Mở Hà Nội. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội*, số đặc biệt 6A, 116-125. <https://doi.org/10.59266/houjs.2025.670>
- Nguyễn, H. M., & Đỗ, T. K. H. (2025). Các nhân tố ảnh hưởng đến liên chính học thuật của sinh viên Trường Đại học Mở Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội*, số đặc biệt 6A, 97-106. <https://doi.org/10.59266/houjs.2025.668>
- Nguyễn, V. P., Lê, T. H., & Nguyễn, T. T. H. (2026). Tác động của trí tuệ nhân tạo trong dạy - học các môn khoa học xã hội ở đại học. *Tạp chí Giáo dục*, 25(số đặc biệt 10), 242-247. <https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/4537>

AWARENESS OF ACADEMIC ETHICS AND THE RISK OF DEPENDENCE ON ARTIFICIAL INTELLIGENCE IN CHINESE LANGUAGE LEARNING: A SURVEY AT THE FACULTY OF CHINESE, HANOI OPEN UNIVERSITY

Nghiem Thi Thanh Tu¹, Do Ha Linh¹

Abstract: *This study examines artificial intelligence (AI) use, awareness of academic ethics and signs of technological dependence among students of the Faculty of Chinese, Hanoi Open University. Data were collected through an online questionnaire from 49 second- and third-year students between 23 May and 30 May 2026. The study used descriptive statistics, an exploratory comparison by year of study and thematic synthesis of open responses. All respondents reported using AI; ChatGPT, Gemini, Google Translate and DeepL were the most frequently selected tools. Translation, homework completion, writing and idea generation were the main purposes. Most participants agreed that AI use should be disclosed and that submitting an AI-generated assignment as one's own work is academically dishonest. Nevertheless, difficulty writing without AI, a tendency to rely on machine translation and inconsistent verification of outputs indicate an emerging risk of dependence for part of the sample. The paper proposes a three-level guidance framework covering permitted uses, uses requiring disclosure and prohibited uses, alongside process-based assessment, information verification and student accountability.*

Keywords: *academic ethics, artificial intelligence, Chinese language learning, technological dependence*

¹ Hanoi Open University, Hanoi, Vietnam